

**PHỤ LỤC I. TỔNG NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 - ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG LẦN 3**

(Kèm theo Nghị quyết số

/NQ- HĐND ngày

/5/2025 của Hội đồng nhân dân huyện Vĩnh Bảo)

Đơn vị: triệu đồng

| STT       | Nội dung                                                                                                                                                                           | Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 điều chỉnh lần 2 (NQ số 25/NQ - HĐND ngày 25/3/2025) | KH vốn ĐTC năm 2025 điều chỉnh kỳ này | Tăng (giảm)       | Ghi chú |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|-------------------|---------|
| A         | B                                                                                                                                                                                  | 1                                                                                      | 2                                     | 3=2-1             | 4       |
|           | <b>TỔNG SỐ</b>                                                                                                                                                                     | <b>1.228.118</b>                                                                       | <b>1.258.470,940</b>                  | <b>30.352,940</b> |         |
| <b>I</b>  | <b>Nguồn vốn đầu tư công thành phố phân cấp và tiền sử dụng đất</b>                                                                                                                | <b>369.266</b>                                                                         | <b>399.618,940</b>                    | <b>30.352,940</b> |         |
| 1         | Nguồn vốn đầu tư công ngân sách thành phố hỗ trợ                                                                                                                                   | 185.766                                                                                | 185.766                               | -                 |         |
| 2         | Nguồn thu tiền sử dụng đất được điều tiết ngân sách huyện                                                                                                                          | 80.500                                                                                 | 80.500                                | -                 |         |
|           | - Công trình đầu tư công                                                                                                                                                           | 15.500                                                                                 | 15.500                                | -                 |         |
|           | - Xây dựng hạ tầng kỹ thuật đấu giá quyền sử dụng đất                                                                                                                              | 65.000                                                                                 | 65.000                                | -                 |         |
| 3         | Nguồn vốn thực hiện các nhiệm vụ, dự án quan trọng của thành phố                                                                                                                   | -                                                                                      | -                                     | -                 |         |
| 4         | Nguồn tăng thu tiền sử dụng đất được điều tiết ngân sách huyện năm 2024 chuyển sang năm 2025                                                                                       | 103.000                                                                                | 133.352,940                           | 30.352,940        |         |
| <b>II</b> | <b>Nguồn vốn xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu</b>                                                                                                                                | <b>858.852</b>                                                                         | <b>858.852</b>                        | <b>-</b>          |         |
| 1         | Vốn xây dựng huyện nông thôn mới nâng cao                                                                                                                                          | 20.000                                                                                 | 20.000                                | -                 |         |
| 2         | Vốn xây dựng các công trình thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại 8 xã năm 2023 (Đồng Minh, Vĩnh Tiến, Tam Cường, Vĩnh An, Hùng Tiến, Tiền Phong, Thắng Thủy, Cao Minh) | 145.735                                                                                | 145.735                               | -                 |         |
| 3         | Vốn xây dựng NTM kiểu mẫu tại 11 xã năm 2024 (Dũng Tiến, Giang Biên, Việt Tiến, Trung Lập, An Hoà, Hưng Nhân, Cộng Hiền, Vinh Quang, Thanh Lương, Cổ Am, Trần Dương)               | 693.117                                                                                | 693.117                               | -                 |         |

PHỤ LỤC II. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 (ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG LẦN 3)

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày 28 /5/2025 của Hội đồng nhân dân huyện Vĩnh Bảo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

| TT  | Danh mục dự án                                                                                 | Năm thực hiện | Chủ đầu tư                   | NQ, QĐ phê duyệt/<br>QĐ phê duyệt QT |               | Lũy kế vốn đã bố trí<br>đến năm 2024 | KH vốn đầu tư công<br>năm 2025 điều<br>chỉnh lần 2 (NQ số<br>25/NQ - HĐND<br>ngày 25/3/2025) | KH vốn ĐTC năm<br>2025 điều chỉnh kỳ<br>này | Tăng (giảm) |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|------------------------------|--------------------------------------|---------------|--------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|-------------|
|     |                                                                                                |               |                              | Số văn bản                           | TMDT          |                                      |                                                                                              |                                             |             |
| A   | B                                                                                              | C             | D                            | E                                    | 1             | 2                                    | 3                                                                                            | 4                                           | 5=4-3       |
|     | TỔNG CỘNG (A+B)                                                                                |               |                              |                                      | 3.524.941,196 | 1.585.837,0765                       | 1.228.118,000                                                                                | 1.258.470,940                               | 30.352,940  |
| A   | VỐN THÀNH PHỐ PHÂN CẤP VÀ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT                                                     |               |                              |                                      | 1.263.557,084 | 401.516,353                          | 369.266,0                                                                                    | 399.618,940                                 | 30.352,940  |
| I   | CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH CHUYÊN TIẾP SANG NĂM 2025                                                |               |                              |                                      | 649.443,463   | 397.674,253                          | 104.222,6                                                                                    | 104.222,6                                   | -           |
| 1   | Dự án, công trình do thành phố QĐ đầu tư, hoặc ủy quyền cho huyện QĐ đầu tư                    |               |                              |                                      | 490.358,626   | 300.592,553                          | 52.731,930                                                                                   | 52.731,930                                  | -           |
|     | Dự án, công trình đầu tư công                                                                  |               |                              |                                      | 490.358,626   | 300.592,553                          | 52.731,930                                                                                   | 52.731,930                                  | -           |
| 1.1 | Xây dựng cầu Lô Đông qua sông Hóa, xã Vĩnh Long, huyện Vĩnh Bảo                                | 2021          | Trung tâm PTQĐ và QLDA       | Số 4447/QĐ-UBND ngày 19/9/2023       | 165.908,626   | 150.908,626                          | 15.000,000                                                                                   | 15.000,000                                  | -           |
| 1.2 | Xây dựng đường nối từ Cụm công nghiệp Giang Biên, xã Giang Biên, huyện Vĩnh Bảo đến Quốc lộ 10 | 2023-2025     | Trung tâm PTQĐ và QLDA       | Số 579/QĐ-UBND ngày 01/3/2023        | 152.980       | 105.216,160                          | 32.763,930                                                                                   | 32.763,930                                  | -           |
| 1.3 | Dự án xây dựng nhà làm việc Trụ sở HĐND và UBND huyện Vĩnh Bảo                                 | 2023-2026     | Trung tâm PTQĐ và QLDA       | QĐ 2619/QĐ-UBND ngày 06/6/2024       | 163.502       | 42.967,767                           | -                                                                                            | -                                           | -           |
| 1.4 | Xây dựng trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Dũng Tiến                                               | Năm 2024-2025 | UBND xã Dũng Tiến            | QĐ số 5698/QĐ-UBND ngày 05/11/2024   | 7.968         | 1.500                                | 4.968,000                                                                                    | 4.968                                       | -           |
| 2   | Dự án, công trình do huyện quyết định đầu tư                                                   |               |                              |                                      | 101.501,191   | 63.999,669                           | 26.997,144                                                                                   | 26.997,144                                  | 0,000       |
| 2.1 | Mở rộng diện tích,cải tạo, nâng cấp phòng học, Xây dựng bếp ăn Trường mầm non Đồng Minh        | 2022          | UBND xã Đồng Minh (Vĩnh Hải) | QĐ số 7945/QĐ-UBND ngày 25/12/2024   | 8.693,029     | 8.290,0                              | 403,029                                                                                      | 403,029                                     | -           |
| 2.2 | Mở rộng sân tập, xây tường bao trường THPT Tô Hiệu                                             | 2022          | Trung tâm PTQĐ và QLDA       | số 7669/QĐ - UBND ngày 16/12/2024    | 4.015,560     | 3.904,445                            | 111,115                                                                                      | 111,115                                     | -           |
| 2.3 | Xây dựng nhà thể thao đa năng trường THCS Tam Cường                                            | 2022          | UBND xã Tam Cường            | Số 2356/QĐ-UBND ngày 22/6/2022       | 9.598,656     | 7.500                                | 2.098,000                                                                                    | 2.098,000                                   | -           |
| 2.4 | Xây dựng trụ sở UBND xã Vĩnh An                                                                | 2023-2025     | UBND xã Vĩnh An              | số 5680/QĐ - UBND ngày 14/11/2024    | 14.207,274    | 14.107,3                             | 100                                                                                          | 100                                         | -           |
| 2.4 | Xây dựng trụ sở UBND xã Trần Dương                                                             | 2023-2025     | UBND xã Trần Dương           | Số 7885/QĐ-UBND ngày 23/12/2024      | 13.088,589    | 13.088,589                           | -                                                                                            | -                                           | -           |

| TT   | Danh mục dự án                                                                                                                                           | Năm thực hiện | Chủ đầu tư                                 | NQ, QĐ phê duyệt/<br>QĐ phê duyệt QT                                     |                 | Lũy kế vốn đã bố trí<br>đến năm 2024 | KH vốn đầu tư công<br>năm 2025 điều<br>chỉnh lần 2 (NQ số<br>25/NQ - HĐND<br>ngày 25/3/2025) | KH vốn ĐTC năm<br>2025 điều chỉnh kỳ<br>này | Tăng (giảm)  |
|------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|--------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------------|--------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|--------------|
|      |                                                                                                                                                          |               |                                            | Số văn bản                                                               | TMĐT            |                                      |                                                                                              |                                             |              |
| A    | B                                                                                                                                                        | C             | D                                          | E                                                                        | 1               | 2                                    | 3                                                                                            | 4                                           | 5=4-3        |
| 2.5  | Dự án chuyển đổi số huyện Vĩnh Bảo                                                                                                                       | 2023-2025     | Phòng Văn hoá,<br>Khoa học và Thông<br>tin | QĐ số 6660/QĐ-<br>UBND ngày 08/12/2023                                   | 9.500           | 3.500                                | 6.000                                                                                        | 6.000                                       | -            |
| 2.6  | Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thị trấn Vĩnh Bảo (đoạn qua các khu<br>dân cư Lam Sơn, Bình Minh)                                                     | 2024-2025     | UBND Thị trấn<br>Vĩnh Bảo                  | QĐ số 6617/QĐ-<br>UBND ngày 06/12/2023                                   | 5.100           | 3.367,367                            | 1.730,000                                                                                    | 1.730,000                                   | -            |
| 2.7  | Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang nhân dân Đồng Sến, thị trấn Vĩnh Bảo                                                                                       | 2024-2025     | UBND Thị trấn<br>Vĩnh Bảo                  | QĐ số 1007/QĐ-<br>UBND ngày 04/5/2024                                    | 7.700           | 347,50                               | 7.352,000                                                                                    | 7.352,000                                   | -            |
| 2.8  | Xây dựng nghĩa trang nhân dân tại xứ đồng Con Nhạn<br>thôn Nhân Mục, xã Nhân Hòa                                                                         | 2024-2025     | UBND xã Nhân<br>Hoà                        | NQ số 63/NQ-HĐND<br>ngày 30/8/2023                                       | 10.500          | -                                    | -                                                                                            | -                                           | -            |
| 2.9  | Nâng cấp, cải tạo bãi rác Lôi ngoài xã Hoà Bình thành bãi chôn lấp hợp<br>vệ sinh                                                                        | 2023-2025     | UBND xã Hòa Bình                           | QĐ số 7876/QĐ-<br>UBND ngày 23/12/2024                                   | 4.409,409       | 4.409,4                              | -                                                                                            | -                                           | -            |
| 2.10 | Nâng cấp, cải tạo bãi rác Gia Phong, xã Tân Hưng thành bãi chôn lấp<br>hợp vệ sinh                                                                       | 2023-2025     | UBND xã Tân<br>Hưng                        | QĐ số 7961/QĐ-UBND<br>ngày 26/12/2024                                    | 2.985,085       | 2.985,1                              | -                                                                                            | -                                           | -            |
| 2.11 | Xây dựng tường bao, sân, rãnh nước, cống hộp và cống phụ khu dãy nhà<br>3 tầng Trường Tiểu học Tân Hưng                                                  | 2024-2026     | UBND xã Tân<br>Hưng                        | QĐ số 4471/QĐ-<br>UBND ngày 09/8/2024                                    | 1.900           | 500                                  | 1.400                                                                                        | 1.400                                       | -            |
| 2.12 | Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sĩ thị trấn Vĩnh Bảo                                                                                                  | 2024-2026     | UBND thị trấn<br>Vĩnh Bảo                  | QĐ số 5699/QĐ-<br>UBND ngày 05/11/2024                                   | 9.803,589       | 2.000                                | 7.803,000                                                                                    | 7.803,000                                   | -            |
| 3    | <b>Công trình xây dựng hạ tầng đấu giá quyền sử dụng đất, chỉnh<br/>trang khu dân cư nông thôn</b>                                                       |               |                                            |                                                                          | <b>57.583,6</b> | <b>33.082,0</b>                      | <b>24.493,518</b>                                                                            | <b>24.493,518</b>                           | <b>0,000</b> |
| 3.1  | Dự án chỉnh trang đô thị tại Khu dân cư Bắc Hải, thị trấn Vĩnh Bảo                                                                                       | 2022-2024     | Trung tâm PTQĐ<br>và QLDA                  | số 7884/QĐ - UBND<br>ngày 23/12/2024                                     | 14.808,239      | 14.107,128                           | 701,111                                                                                      | 701,111                                     | -            |
| 3.2  | Xây dựng hạ tầng kỹ thuật đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm<br>nhà ở tại khu dân cư Bắc Hải, thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo (giai<br>đoạn 2) | 2021-2022     | Trung tâm PTQĐ<br>và QLDA                  | số 6902/QĐ - UBND<br>ngày 18/11/2024                                     | 10.095,407      | 9.888,0000                           | 207,4070                                                                                     | 207,4070                                    | -            |
| 3.3  | Dự án chỉnh trang khu dân cư nông thôn tại thôn Đồng Tâm, xã Trần<br>Dương                                                                               | 2022-2025     | Trung tâm PTQĐ<br>và QLDA                  | Sô 4957/QĐ-UBND<br>ngày 09/12/2022, số<br>2458/QĐ-UBND ngày<br>17/5/2023 | 2.320           | 295,0                                | 2.024,0                                                                                      | 2.024,0                                     | -            |
| 3.4  | Dự án chỉnh trang khu dân cư nông thôn tại thôn Cổ Đằng, xã Tân Liên                                                                                     | 2022-2025     | Trung tâm PTQĐ<br>và QLDA                  | Số 4960/QĐ-UBND<br>ngày 09/12/2022                                       | 2.560,0         | 814,809                              | 1.745                                                                                        | 1.745                                       | -            |
| 3.5  | Dự án chỉnh trang khu dân cư nông thôn tại thôn 5, xã Cổ Am                                                                                              | 2022-2025     | Trung tâm PTQĐ<br>và QLDA                  | Sô 4954/QĐ-UBND<br>ngày 09/12/2022;số<br>2455/QĐ-UBND ngày<br>17/5/2023  | 7.540           | 2.647,9                              | 4.890,0                                                                                      | 4.890,0                                     | -            |
| 3.6  | Dự án chỉnh trang khu dân cư nông thôn tại thôn Bắc Hải, xã Tân Liên                                                                                     | 2022-2025     | Trung tâm PTQĐ<br>và QLDA                  | Số 4961/QĐ-UBND<br>ngày 09/12/2022, số<br>2462/QĐ-UBND ngày<br>17/5/2023 | 5.670           | 2.201,9                              | 3.468,0                                                                                      | 3.468,0                                     | -            |

| TT  | Danh mục dự án                                                                                                                                                      | Năm thực hiện | Chủ đầu tư                | NQ, QĐ phê duyệt/<br>QĐ phê duyệt QT                                        |                    | Lũy kế vốn đã bố trí<br>đến năm 2024 | KH vốn đầu tư công<br>năm 2025 điều<br>chỉnh lần 2 (NQ số<br>25/NQ - HĐND<br>ngày 25/3/2025) | KH vốn ĐTC năm<br>2025 điều chỉnh kỳ<br>này | Tăng (giảm)       |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|---------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|--------------------|--------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|-------------------|
|     |                                                                                                                                                                     |               |                           | Số văn bản                                                                  | TMDT               |                                      |                                                                                              |                                             |                   |
| A   | B                                                                                                                                                                   | C             | D                         | E                                                                           | 1                  | 2                                    | 3                                                                                            | 4                                           | 5=4-3             |
| 3.7 | Dự án chỉnh trang khu dân cư nông thôn tại thôn Linh Đông, xã Tiền Phong                                                                                            | 2022-2025     | Trung tâm PTQĐ<br>và QLDA | Số 4962/QĐ-UBND<br>ngày 09/12/2022, số<br>2463/QĐ-UBND ngày<br>17/5/2023    | 3.990              | 448,773                              | 3.540                                                                                        | 3.540                                       | -                 |
| 3.8 | Dự án chỉnh trang khu dân cư nông thôn tại thôn 8, xã Tân Hưng                                                                                                      | 2022-2025     | Trung tâm PTQĐ<br>và QLDA | Số 4965/QĐ-UBND<br>ngày 09/12/2022, số<br>2465/QĐ-UBND ngày<br>17/5/2023    | 2.740              | 291,636                              | 2.445                                                                                        | 2.445                                       | -                 |
| 3.9 | Dự án chỉnh trang khu dân cư nông thôn tại thôn Tân Bảo, xã Cao Minh                                                                                                | 2022-2025     | Trung tâm PTQĐ<br>và QLDA | Số 4959/QĐ-UBND<br>ngày 09/12/2022, số<br>2460/QĐ-UBND ngày<br>17/5/2023    | 7.860              | 2.386,8                              | 5.473,0                                                                                      | 5.473,0                                     | -                 |
| II  | <b>CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2025</b>                                                                                                                 |               |                           |                                                                             | <b>614.113,621</b> | <b>3.842,100</b>                     | <b>265.043,408</b>                                                                           | <b>295.396,348</b>                          | <b>30.352,940</b> |
| 1   | <b>Công trình do thành phố QĐ đầu tư, hoặc ủy quyền cho huyện QĐ đầu tư</b>                                                                                         |               |                           |                                                                             | <b>34.731</b>      | <b>200</b>                           | <b>14.531</b>                                                                                | <b>14.531</b>                               | <b>0</b>          |
|     | <i>Dự án, công trình xây dựng huyện nông thôn mới nâng cao</i>                                                                                                      |               |                           |                                                                             | <i>34.731</i>      | <i>200</i>                           | <i>14.531</i>                                                                                | <i>14.531</i>                               | <i>0</i>          |
| 1.1 | Dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo đường 17B huyện Vĩnh Bảo (đoạn từ Km 1+220 đến Km 3+640)                                                                             | 2024-2026     | Trung tâm PTQĐ<br>và QLDA | QĐ số 8487/QĐ-<br>UBND ngày 31/12/2024                                      | 34.731,393         | 200                                  | 14.531,000                                                                                   | 14.531,000                                  | -                 |
| 2   | <b>Công trình do huyện quyết định đầu tư</b>                                                                                                                        |               |                           |                                                                             | <b>391.998</b>     | <b>2.142</b>                         | <b>210.005,926</b>                                                                           | <b>240.358,866</b>                          | <b>30.352,940</b> |
| 2.1 | Giải phóng mặt bằng và xây dựng cổng, tường bao trường tiểu học Giang Biên                                                                                          | 2024-2025     | UBND xã Giang<br>Biên     | QĐ số 1077/QĐ-<br>UBND ngày 05/4/2024                                       | 14.950             | 492,1                                | 14.457,000                                                                                   | 14.457,000                                  | -                 |
| 2.2 | San lấp mặt bằng diện tích mở rộng trường THCS Nguyễn Bình Khiêm                                                                                                    | 2024-2025     | Trung tâm PTQĐ<br>và QLDA | QĐ số 114/QĐ-UBND<br>ngày 16/01/2024; số<br>709/QĐ - UBND ngày<br>21/1/2025 | 11.407,966         | 220                                  | 11.187,000                                                                                   | 11.187,000                                  | -                 |
| 2.3 | Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Tân Liên (từ nhà ông Mỹ đến ngã tư Nội Đơn) và đường liên thôn Kim Lâu - Nội Đơn - An Ngoại (từ ngã tư Nội Đơn đến hết nhà ông Bắc) | 2024-2026     | UBND xã Tân Liên          | QĐ số 4158/QĐ-<br>UBND ngày 30/7/2024                                       | 4.199              | 30                                   | 4.169,000                                                                                    | 4.169,000                                   | -                 |
| 2.4 | Mở rộng, nâng cấp tuyến đường Nguyễn Bình Khiêm (đoạn từ Trường Mầm non thị trấn Vĩnh Bảo đến Quốc lộ 37)                                                           | 2024-2026     | UBND Thị trấn<br>Vĩnh Bảo | QĐ số 4159/QĐ-<br>UBND ngày 30/7/2024                                       | 8.900              | 20                                   | 8.880,000                                                                                    | 8.880,000                                   | -                 |
| 2.5 | Xây dựng khu cây xanh kết hợp với bãi đỗ xe trung tâm huyện Vĩnh Bảo                                                                                                | 2024-2025     | Trung tâm PTQĐ<br>và QLDA | QĐ số 345/QĐ-UBND<br>ngày 17/01/2025                                        | 14.682             | 100,0                                | 14.582,000                                                                                   | 14.582,000                                  | -                 |
| 2.6 | Cải tạo, nâng cấp sân vận động trung tâm huyện Vĩnh Bảo                                                                                                             | 2024-2025     | Trung tâm PTQĐ<br>và QLDA | QĐ số 6788/QĐ-<br>UBND ngày 02/12/2024                                      | 14.379,628         |                                      | 14.179,000                                                                                   | 14.179,000                                  | -                 |
| 2.7 | Cải tạo, nâng cấp các công trình phụ trợ Nhà thi đấu Thể dục Thể thao huyện Vĩnh Bảo                                                                                | 2024-2025     | Trung tâm PTQĐ<br>và QLDA | QĐ số 7498/QĐ-<br>UBND ngày 09/12/2024                                      | 14.779,268         | 200,0                                | 14.579,000                                                                                   | 14.579,000                                  | -                 |

| TT   | Danh mục dự án                                                                                                                                                       | Năm thực hiện | Chủ đầu tư             | NQ, QĐ phê duyệt/<br>QĐ phê duyệt QT |                | Lũy kế vốn đã bố trí<br>đến năm 2024 | KH vốn đầu tư công<br>năm 2025 điều<br>chỉnh lần 2 (NQ số<br>25/NQ - HĐND<br>ngày 25/3/2025) | KH vốn ĐTC năm<br>2025 điều chỉnh kỳ<br>này | Tăng (giảm) |
|------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|------------------------|--------------------------------------|----------------|--------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|-------------|
|      |                                                                                                                                                                      |               |                        | Số văn bản                           | TMDT           |                                      |                                                                                              |                                             |             |
| A    | B                                                                                                                                                                    | C             | D                      | E                                    | 1              | 2                                    | 3                                                                                            | 4                                           | 5=4-3       |
| 2.8  | Xây dựng nhà đa năng và các công trình phụ trợ Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm                                                                                         | 2024-2026     | Trung tâm PTQĐ và QLDA | Số 54/NQ-HĐND ngày 16/10/2024        | 11.456         | 300,0                                |                                                                                              | 11.000,0                                    | 11.000,0    |
| 2.9  | Xây dựng nhà lớp học chức năng 3 tầng 9 phòng và các công trình phụ trợ Trường Tiểu học thị trấn Vĩnh Bảo                                                            | 2024-2026     | Trung tâm PTQĐ và QLDA | Số 55/NQ-HĐND ngày 16/10/2024        | 14.950         | 100,0                                | 10.000,0                                                                                     | 14.500,0                                    | 4.500,0     |
| 2.10 | Xây dựng hạ tầng sân tập các trường học xã Thắng Thủy                                                                                                                | 2024-2025     | UBND xã Thắng Thủy     | QĐ số 5589/QĐ-UBND ngày 29/11/2024   | 4.483,739      | 175,0                                | 4.308,0                                                                                      | 4.308,0                                     | -           |
| 2.11 | Xây dựng các hạng mục phụ trợ trụ sở UBND xã Vĩnh An                                                                                                                 | 2024-2026     | UBND xã Vĩnh An        | QĐ số 6308/QĐ-UBND ngày 22/11/2024   | 3.170,962      | 100,0                                | 3.071,0                                                                                      | 3.071,0                                     | -           |
| 2.12 | Xây dựng các hạng mục phụ trợ trụ sở UBND xã Trần Dương                                                                                                              | 2024-2025     | UBND xã Trần Dương     | QĐ số 5588/QĐ-UBND ngày 29/11/2024   | 1.779          | 85,0                                 | -                                                                                            | 1.500,0                                     | 1.500,0     |
| 2.13 | Cải tạo, nâng cấp một số đảo giao thông trên địa bàn thị trấn Vĩnh Bảo và cải tạo, nâng cấp vỉa hè Quốc lộ 10 đoạn từ cầu Tây đến đường vào Cụm công nghiệp Tân Liên | 2024-2025     | Ban QLDA ĐTXD huyện    | QĐ số 7568/QĐ-UBND ngày 11/12/2024   | 13.439,968     | 200,0                                | 13.240,0                                                                                     | 13.240,0                                    | -           |
| 2.14 | Chỉnh trang đô thị trung tâm thị trấn Vĩnh Bảo và tại xã Lý Học, huyện Vĩnh Bảo                                                                                      | 2024-2025     | Trung tâm PTQĐ và QLDA | QĐ số 7567/QĐ-UBND ngày 11/12/2024   | 7.129,186      | 120,0                                | 7.009,000                                                                                    | 7.009,000                                   | -           |
| 2.15 | Cải tạo, nâng cấp Bộ phận Một cửa tại trụ sở UBND thị trấn và trụ sở UBND các xã sau sáp nhập trên địa bàn huyện Vĩnh Bảo                                            |               | Trung tâm PTQĐ và QLDA | NQ số 74/NQ - HĐND ngày 17/12/2024   | 7.100          | -                                    | 270                                                                                          | -                                           | (270,0)     |
| 2.16 | Xây dựng thí điểm mô hình lớp học thông minh trên địa bàn huyện Vĩnh Bảo                                                                                             | 2025          | Trung tâm PTQĐ và QLDA | QĐ số 2629/QĐ-UBND ngày 24/3/2025    | 6.328          | -                                    | 6.170,0                                                                                      | 6.170,0                                     | -           |
| 2.17 | Cải tạo, nâng cấp một số công trình giao thông, trường học tại xã Thắng Thủy, Trung Lập, Thị trấn Vĩnh Bảo                                                           | 2025          | Trung tâm PTQĐ và QLDA | QĐ số 2470/QĐ-UBND ngày 19/3/2025    | 16.291,750     | -                                    | 17.200,000                                                                                   | 16.162,000                                  | (1.038,0)   |
| 2.18 | Cải tạo, nâng cấp một số công trình giao thông, trường học tại xã Dũng Tiến, Giang Biên, Việt Tiến, Vĩnh An, Tân Liên                                                | 2025          | Trung tâm PTQĐ và QLDA | QĐ số 2472/QĐ-UBND ngày 19/3/2025    | 15.550,822     | -                                    | 15.700,000                                                                                   | 15.364,000                                  | (336,0)     |
| 2.19 | Cải tạo, nâng cấp một số công trình giao thông, trường học tại xã Vĩnh Hưng, Vĩnh Hải, Tân Hưng, Vĩnh Hòa, Hùng Tiến                                                 | 2025          | Trung tâm PTQĐ và QLDA | QĐ số 2471/QĐ-UBND ngày 19/3/2025    | 7.037,821      | -                                    | 8.000,000                                                                                    | 6.987,000                                   | (1.013,0)   |
| 2.20 | Cải tạo, nâng cấp một số công trình giao thông, trường học tại xã Tiền Phong,Trần Dương, Hòa Bình, Tam Cường, Lý Học, Cao Minh                                       | 2025          | Trung tâm PTQĐ và QLDA | QĐ số 2473/QĐ-UBND ngày 19/3/2025    | 12.599,118     | -                                    | 15.028,489                                                                                   | 12.480,000                                  | (2.548,5)   |
| 2.21 | Dự án chỉnh trang khu dân cư nông thôn tại thôn Nhân Mục, xã Nhân Hoà (giáp Bệnh viện đa khoa huyện Vĩnh Bảo)                                                        | 2024-2025     | Trung tâm PTQĐ và QLDA | QĐ số 4463/QĐ-UBND ngày 09/8/2024    | 187.384        |                                      | 27.976,437                                                                                   | <b>46.534,8660</b>                          | 18.558,429  |
| 3    | <b>Công trình xây dựng hạ tầng đấu giá quyền sử dụng đất, chỉnh trang khu dân cư nông thôn</b>                                                                       |               |                        |                                      | <b>187.384</b> | <b>1.500</b>                         | <b>40.506,482</b>                                                                            | <b>40.506,482</b>                           | -           |
| 3.1  | Dự án chỉnh trang khu dân cư nông thôn tại thôn Nhân Mục, xã Nhân Hoà (giáp Bệnh viện đa khoa huyện Vĩnh Bảo)                                                        | 2024-2025     | Trung tâm PTQĐ và QLDA | QĐ số 4463/QĐ-UBND ngày 09/8/2024    | 187.384        | 1.500,0                              | 40.506,482                                                                                   | 40.506,482                                  | -           |

| TT  | Danh mục dự án                                                                                       | Năm thực hiện | Chủ đầu tư                | NQ, QĐ phê duyệt/<br>QĐ phê duyệt QT   |                | Lũy kế vốn đã bố trí<br>đến năm 2024 | KH vốn đầu tư công<br>năm 2025 điều<br>chỉnh lần 2 (NQ số<br>25/NQ - HĐND<br>ngày 25/3/2025) | KH vốn ĐTC năm<br>2025 điều chỉnh kỳ<br>này | Tăng (giảm) |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|---------------------------|----------------------------------------|----------------|--------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|-------------|
|     |                                                                                                      |               |                           | Số văn bản                             | TMDT           |                                      |                                                                                              |                                             |             |
| A   | B                                                                                                    | C             | D                         | E                                      | 1              | 2                                    | 3                                                                                            | 4                                           | 5=4-3       |
| III | Vốn chưa phân bổ, vốn chuẩn bị đầu tư                                                                |               |                           |                                        | 0              | 0                                    | 0,000                                                                                        | 0,000                                       | 0,000       |
|     | Vốn thành phố phân cấp                                                                               |               |                           |                                        |                |                                      | -                                                                                            | -                                           | -           |
|     | Tiền sử dụng đất                                                                                     |               |                           |                                        |                |                                      |                                                                                              | -                                           | -           |
| B   | VỐN XÂY DỰNG XÃ NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU, HUYỆN<br>NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO                              |               |                           |                                        | 2.261.384,1120 | 1.184.320,7239                       | 858.852,0000                                                                                 | 858.852,0000                                | -           |
| I   | Dự án, công trình xây dựng huyện nông thôn mới nâng cao                                              |               |                           |                                        | 34.731         | 200                                  | 20.000                                                                                       | 20.000                                      | 0           |
| 1,1 | Dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo đường 17B huyện Vĩnh Bảo (đoạn từ Km 1+220 đến Km 3+640)              | 2024-2026     | Trung tâm PTQĐ<br>và QLDA | QĐ số 8487/QĐ-<br>UBND ngày 31/12/2024 | 34.731,393     | 200                                  | 20.000,0                                                                                     | 20.000,0                                    | -           |
| II  | Dự án xây dựng các công trình thực hiện tiêu chí xã NTM kiểu mẫu<br>tại 08 xã thực hiện từ năm 2023  |               |                           | -                                      | 959.277        | 788.538,7239                         | 145.735,0                                                                                    | 145.735,0                                   | -           |
| 1   | Dự án xây dựng các công trình thực hiện các tiêu chí xã NTM kiểu mẫu<br>tại xã Thăng Thủy            | 2023-2024     | Trung tâm PTQĐ<br>và QLDA | Số1575/QĐ-UBND<br>ngày 07/5/2024       | 114.750        | 100.934,5313                         | 11.815,0                                                                                     | 11.815,0                                    | -           |
| 2   | Dự án xây dựng các công trình thực hiện các tiêu chí xã NTM kiểu mẫu<br>tại xã Hùng Tiến             | 2023-2024     | Trung tâm PTQĐ<br>và QLDA | Số 3129/QĐ-UBND<br>ngày 09/6/2024      | 128.750        | 110.709,477                          | 16.040,0                                                                                     | 16.040,0                                    | -           |
| 3   | Dự án xây dựng các công trình thực hiện các tiêu chí xã NTM kiểu mẫu<br>tại xã Vĩnh An               | 2023-2024     | Trung tâm PTQĐ<br>và QLDA | Số 2611/QĐ-UBND<br>ngày 09/6/2023      | 115.127        | 87.677,361                           | 23.448,0                                                                                     | 23.448,0                                    | -           |
| 4   | Dự án xây dựng các công trình thực hiện các tiêu chí xã NTM kiểu mẫu<br>tại xã Đồng Minh             | 2023-2024     | Trung tâm PTQĐ<br>và QLDA | Số 2612/QĐ-UBND<br>ngày 09/6/2023      | 114.750        | 88.660,0                             | 24.090,0                                                                                     | 24.090,0                                    | -           |
| 5   | Dự án xây dựng các công trình thực hiện các tiêu chí xã NTM kiểu mẫu<br>tại xã Tiên Phong            | 2023-2024     | Trung tâm PTQĐ<br>và QLDA | Số 3131/QĐ-UBND<br>ngày 28/6/2024      | 118.450        | 101.247,2090                         | 15.203,0                                                                                     | 15.203,0                                    | -           |
| 6   | Dự án xây dựng các công trình thực hiện các tiêu chí xã NTM kiểu mẫu<br>tại xã Cao Minh              | 2023-2024     | Trung tâm PTQĐ<br>và QLDA | Số 3676/QĐ-UBND<br>ngày 15/7/2024      | 122.750        | 98.455,696                           | 22.294,0                                                                                     | 22.294,0                                    | -           |
| 7   | Dự án xây dựng các công trình thực hiện các tiêu chí xã NTM kiểu mẫu<br>tại xã Tam Cường             | 2023-2024     | Trung tâm PTQĐ<br>và QLDA | Số 3132/QĐ-UBND<br>ngày 28/6/2024      | 129.750        | 107.684,363                          | 15.065,0                                                                                     | 15.065,0                                    | -           |
| 8   | Dự án xây dựng các công trình thực hiện các tiêu chí xã NTM kiểu mẫu<br>tại xã Vĩnh Tiến             | 2023-2024     | Trung tâm PTQĐ<br>và QLDA | Số 2786/QĐ - UBND<br>ngày 14/06/2024   | 114.950        | 93.170,099                           | 17.780,0                                                                                     | 17.780,0                                    | -           |
| III | Vốn xây dựng các công trình thực hiện tiêu chí xã NTM kiểu mẫu<br>tại 11 xã thực hiện từ năm 2024    |               |                           |                                        | 1.267.376      | 395.582                              | 693.117                                                                                      | 693.117                                     | -           |
| 1   | Xã Giang Biên                                                                                        |               |                           |                                        | 120.321        | 25.913                               | 25.646                                                                                       | 60.646                                      | 35.000      |
|     | Dự án xây dựng các công trình thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu<br>mẫu tại xã Giang Biên      | 2024-2026     | Trung tâm PTQĐ<br>và QLDA | 4465/QĐ-UBND ngày<br>09/8/2024         | 53.000         | 22.724                               | 22.627,0                                                                                     | 22.627,0                                    | -           |
|     | Công trình xây dựng trường Mầm non thực hiện tiêu chí xã nông thôn<br>mới kiểu mẫu tại xã Giang Biên | 2024-2026     | Trung tâm PTQĐ<br>và QLDA | 5704/QĐ-UBND ngày<br>5/11/2024         | 6.200          | 3.179                                | 3.019,0                                                                                      | 3.019,0                                     | -           |

| TT | Danh mục dự án                                                                                                                          | Năm thực hiện | Chủ đầu tư             | NQ, QĐ phê duyệt/<br>QĐ phê duyệt QT |                | Lũy kế vốn đã bố trí<br>đến năm 2024 | KH vốn đầu tư công<br>năm 2025 điều<br>chỉnh lần 2 (NQ số<br>25/NQ - HĐND<br>ngày 25/3/2025) | KH vốn ĐTC năm<br>2025 điều chỉnh kỳ<br>này | Tăng (giảm)    |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|------------------------|--------------------------------------|----------------|--------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|----------------|
|    |                                                                                                                                         |               |                        | Số văn bản                           | TMĐT           |                                      |                                                                                              |                                             |                |
| A  | B                                                                                                                                       | C             | D                      | E                                    | 1              | 2                                    | 3                                                                                            | 4                                           | 5=4-3          |
|    | Dự án xây dựng công trình trường Tiểu học thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Giang Biên                                | 2024-2026     | Trung tâm PTQĐ và QLDA | 113/QĐ-BQL ngày 14/06/2024           | 61.121         | 10                                   |                                                                                              | 35.000,000                                  | 35.000,0       |
| 2  | <b>Xã Dũng Tiến</b>                                                                                                                     |               |                        |                                      | <b>121.000</b> | <b>38.521</b>                        | <b>73.229</b>                                                                                | <b>67.229</b>                               | <b>(6.000)</b> |
|    | Dự án xây dựng các công trình thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Dũng Tiến                                             | 2024-2026     | Trung tâm PTQĐ và QLDA | 4464/QĐ-UBND ngày 09/8/2024          | 96.987         | 38.221                               | 52.982,0                                                                                     | 46.982,0                                    | (6.000,0)      |
|    | Dự án xây dựng các trường học (mầm non, tiểu học) thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Dũng Tiến                         | 2024-2026     | Trung tâm PTQĐ và QLDA | 111/QĐ-BQL ngày 14/06/2024           | 24.013         | 300                                  | 20.247,0                                                                                     | 20.247,0                                    | -              |
| 3  | <b>Xã Việt Tiến</b>                                                                                                                     |               |                        |                                      | <b>116.500</b> | <b>35.952</b>                        | <b>63.729</b>                                                                                | <b>66.729</b>                               | <b>3.000</b>   |
|    | Dự án xây dựng các công trình thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Việt Tiến                                             | 2024-2026     | Trung tâm PTQĐ và QLDA | 4786/QĐ-UBND ngày 10/9/2024          | 88.406         | 35.652                               | 40.000,0                                                                                     | 43.000,0                                    | 3.000,0        |
|    | Dự án Xây dựng các trường học (mầm non, tiểu học) thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Việt Tiến                         | 2024-2026     | Trung tâm PTQĐ và QLDA | 114/QĐ-BQL ngày 14/06/2024           | 28.094         | 300                                  | 23.729,0                                                                                     | 23.729,0                                    | -              |
| 4  | <b>Xã Trung Lập</b>                                                                                                                     |               |                        |                                      | <b>116.000</b> | <b>35.962</b>                        | <b>63.297</b>                                                                                | <b>64.297</b>                               | <b>1.000</b>   |
|    | Dự án xây dựng các công trình thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Trung Lập                                             | 2024-2026     | Trung tâm PTQĐ và QLDA | 4466/QĐ-UBND ngày 9/8/2024           | 101.040        | 35.562                               | 50.900,0                                                                                     | 51.900,0                                    | 1.000,0        |
|    | Công trình xây dựng các trường học (tiểu học, THCS) thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Trung Lập                       | 2024-2026     | Trung tâm PTQĐ và QLDA | 5892/QĐ-UBND ngày 14/11/2024         | 14.960         | 400                                  | 12.397,0                                                                                     | 12.397,0                                    | -              |
| 5  | <b>Xã Hưng Nhân</b>                                                                                                                     |               |                        |                                      | <b>95.900</b>  | <b>38.462</b>                        | <b>43.603</b>                                                                                | <b>45.603</b>                               | <b>2.000</b>   |
|    | Dự án xây dựng các công trình thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Hưng Nhân                                             | 2024-2026     | Trung tâm PTQĐ và QLDA | 4468/QĐ-UBND ngày 09/8/2024          | 95.900         | 38.462                               | 43.603,0                                                                                     | 45.603,0                                    | 2.000,0        |
| 6  | <b>Xã An Hòa</b>                                                                                                                        |               |                        |                                      | <b>119.000</b> | <b>38.462</b>                        | <b>63.063</b>                                                                                | <b>66.063</b>                               | <b>3.000</b>   |
|    | Dự án xây dựng các công trình thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã An Hòa                                                | 2024-2026     | Trung tâm PTQĐ và QLDA | 4467/QĐ-UBND ngày 09/8/2024          | 112.000        | 37.075                               | 57.454,0                                                                                     | 60.454,0                                    | 3.000,0        |
|    | Công trrinh Xây dựng các trường học (mầm non, tiểu học) thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã An Hòa                      | 2024-2026     | Trung tâm PTQĐ và QLDA | 5703/QĐ-UBND ngày 5/11/2024          | 7.000          | 1.387                                | 5.609,0                                                                                      | 5.609,0                                     | -              |
| 7  | <b>Xã Thanh Lương</b>                                                                                                                   |               |                        |                                      | <b>117.300</b> | <b>35.962</b>                        | <b>72.416</b>                                                                                | <b>68.416</b>                               | <b>(4.000)</b> |
|    | Dự án xây dựng các công trình thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Thanh Lương                                           | 2024-2026     | Trung tâm PTQĐ và QLDA | 4788/QĐ-UBND ngày 10/9/2024          | 102.566        | 31.050                               | 64.720,0                                                                                     | 60.720,0                                    | (4.000,0)      |
|    | Công trình Xây dựng các trường học (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Thanh Lương | 2024-2026     | Trung tâm PTQĐ và QLDA | 5701/QĐ-UBND ngày 5/11/2024          | 14.734         | 4.912                                | 7.696,0                                                                                      | 7.696,0                                     | -              |

| TT | Danh mục dự án                                                                                                                    | Năm thực hiện | Chủ đầu tư             | NQ, QĐ phê duyệt/<br>QĐ phê duyệt QT |           | Lũy kế vốn đã bố trí<br>đến năm 2024 | KH vốn đầu tư công<br>năm 2025 điều<br>chỉnh lần 2 (NQ số<br>25/NQ - HĐND<br>ngày 25/3/2025) | KH vốn ĐTC năm<br>2025 điều chỉnh kỳ<br>này | Tăng (giảm) |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|------------------------|--------------------------------------|-----------|--------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|-------------|
|    |                                                                                                                                   |               |                        | Số văn bản                           | TMDT      |                                      |                                                                                              |                                             |             |
| A  | B                                                                                                                                 | C             | D                      | E                                    | 1         | 2                                    | 3                                                                                            | 4                                           | 5=4-3       |
| 8  | Xã Vinh Quang                                                                                                                     |               |                        |                                      | 115.500   | 35.962                               | 70.875                                                                                       | 62.875                                      | (8.000)     |
|    | Dự án xây dựng các công trình thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Vinh Quang                                      | 2024-2026     | Trung tâm PTQĐ và QLDA | 4787/QĐ-UBND ngày 10/9/2024          | 98.887    | 35.659,0                             | 56.960,0                                                                                     | 48.960,0                                    | (8.000,0)   |
|    | Dự án Xây dựng các trường học (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Vinh Quang | 2024-2026     | Trung tâm PTQĐ và QLDA | 117/QĐ-BQL ngày 13/06/2024           | 16.613    | 303,0                                | 13.915,0                                                                                     | 13.915,0                                    | -           |
| 9  | Xã Cộng Hiền                                                                                                                      |               |                        |                                      | 118.500   | 38.462                               | 72.940                                                                                       | 65.940                                      | (7.000)     |
|    | Dự án xây dựng các công trình thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Cộng Hiền                                       | 2024-2026     | Trung tâm PTQĐ và QLDA | 4469/QĐ-UBND ngày 09/8/2024          | 118.500   | 38.462,00                            | 72.940,0                                                                                     | 65.940,0                                    | (7.000,0)   |
| 10 | Xã Cổ Am                                                                                                                          |               |                        |                                      | 103.800   | 35.962                               | 63.724                                                                                       | 51.724                                      | (12.000)    |
|    | Dự án xây dựng các công trình thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Cổ Am                                           | 2024-2026     | Trung tâm PTQĐ và QLDA | 4784/QĐ-UBND ngày 10/9/2024          | 93.741    | 32.597                               | 57.030,0                                                                                     | 45.030,0                                    | (12.000,0)  |
|    | Công trình Xây dựng các trường học (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Cổ Am | 2024-2026     | Trung tâm PTQĐ và QLDA | 5705/QĐ-UBND ngày 5/11/2024          | 10.059    | 3.365                                | 6.694,0                                                                                      | 6.694,0                                     | -           |
| 11 | Xã Trấn Dương                                                                                                                     |               |                        |                                      | 123.555   | 35.962                               | 80.595                                                                                       | 73.595                                      | (7.000)     |
|    | Dự án xây dựng các công trình thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Trấn Dương                                      | 2024-2026     | Trung tâm PTQĐ và QLDA | 4785/QĐ-UBND ngày 10/9/2024          | 117.810   | 35.742                               | 75.071,0                                                                                     | 68.071,0                                    | (7.000,0)   |
|    | Công trình Xây dựng trường THCS thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Trấn Dương                                    | 2024-2026     | Trung tâm PTQĐ và QLDA | 7397/QĐ-UBND ngày 05/12/2024         | 5.744,719 | 220                                  | 5.524,0                                                                                      | 5.524,0                                     | -           |